

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2020/DS-PT**

Ngày: 23-6-2020

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền; bồi hoàn chi phí cải tạo xây dựng, góp vốn và công sức đóng góp, thanh toán tiền lãi đối với số tiền chậm trả, thanh toán công sức đóng góp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long
Bà Lê Thúy Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2020/TLPT-DS ngày 21/4/2020, về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền; bồi hoàn chi phí cải tạo xây dựng, góp vốn và công sức đóng góp, thanh toán tiền lãi đối với số tiền chậm trả, thanh toán công sức đóng góp*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1039/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:***

- Bà Phan Thị H; sinh năm 1949; Nơi cư trú: Tổ 09 đường A1, phường A2, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Phan Chí L; Sinh năm 1969; Địa chỉ: Union City CA 94587 USA. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Liên H1; Sinh năm 1962;

Địa chỉ: 14 đường H4, quận H3, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 16 tháng 9 năm 2019). Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Phan Anh P, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Thùy P, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Tổ 11 (Tổ 30 cũ) đường M1, phường K, quận N2, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thùy P là ông Phan Anh P (theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 7 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Anh P: Ông Trần Hải A, Luật sư Văn phòng Luật sư Đ; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Người kháng cáo:** bị đơn ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Phan Chí L, bà Phan Thị H, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên H1 trình bày:*

Bà Phan Thị H là chị gái ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P là vợ ông P, ông Nguyễn Phan Chí L là con ruột của bà Phan Thị H. Xuất phát từ mối quan hệ trên, sau nhiều năm qua Mỹ làm ăn sinh sống, ông L thường gửi tiền về Việt Nam nhờ vợ chồng ông P, bà P đứng tên mua giùm nhà đất và cho mượn để đầu tư kinh doanh. Tổng cộng là 14 lô đất, trong đó để mẹ ruột ông là bà Phan Thị H đứng tên 11 lô tại N, 03 lô vợ chồng ông P, bà P tự nguyện đứng tên giùm. Thời gian đầu vợ chồng ông P rất uy tín trong việc vay mượn tiền cũng như việc đứng tên mua và bán đất, tuy nhiên sau này do thị trường bất động sản trong nước có nhiều biến động theo hướng tăng cao, lợi dụng việc nhờ đứng tên, vợ chồng ông P đã tự ý chuyển dịch bất động sản mà không hỏi ý kiến ông L với giá giao dịch thiếu minh bạch, ông P đã tự ý chuyển nhượng cho vợ là bà P rồi cùng đem tất cả đất của ông L thế chấp tại các ngân hàng để vay tiền kinh doanh, mua bán bất động sản.

Tháng 12/2015 ông L về Việt Nam yêu cầu vợ chồng ông P, bà P trả nợ và chuyển giao các tài sản nhà đất mà ông L nhờ đứng tên qua cho ông L và mẹ ông L nhưng vợ chồng ông P tìm mọi cách trì hoãn, hứa hẹn sẽ trả nợ và giao trả toàn bộ tài sản cho ông L vào tháng 4/2016, tuy nhiên đến hẹn, vợ chồng ông P lại tìm cách thoái thác, trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thậm chí còn tỏ thái độ thách thức. Đứng trước nguy cơ mất trắng tài sản, tháng 6/2016 ông L phải về Việt Nam để cùng mẹ ông làm đơn khiếu nại, tố cáo vợ chồng ông P gửi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng giải quyết.

Chỉ đến khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng vào cuộc điều tra mới có kết quả. Tại Biên bản thỏa thuận ngày 02/8/2016, vợ chồng ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P đã thừa nhận nợ mẹ con ông L số tiền 8.000.000.000đ (Tám tỷ đồng) và tài sản bao gồm các lô đất số: 162, 163, 164 Khu B2.4 KDC Nam cầu T1 (khu N); lô 33b đường B1; lô 294 đường C. Hai bên đã thống nhất vạch ra phương án để vợ chồng ông P chuyển trả tài sản và trả nợ, số nợ còn lại hai bên tạm thời chốt là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) vợ chồng ông P xin trả dần trong 03 (ba) năm.

Trên thực tế để vợ chồng ông P, bà P có thể thực hiện việc trả nợ và trả lại tài sản theo biên bản thỏa thuận trên, ngày 04/8/2016 mẹ con ông L buộc phải cho ông P, bà P mượn số tiền 6.486.317.366 đồng (Sáu tỷ bốn trăm tám sáu triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu sáu đồng) để trả nợ gốc và lãi mà ông P, bà P vay tại Ngân hàng A1, thành phố Đà Nẵng mục đích rút các tài sản thế chấp tại ngân hàng ra gồm: Thửa đất số 2, tờ bản đồ E2; thửa đất số E2-02; E2-03; E2-04; E2-05; E2-06 tại Khu Dân cư đô thị phía Nam cầu T2, phường M1, quận N2, thành phố Đà Nẵng (Vợ chồng ông P viết giấy nhận tiền mẹ con ông L).

Tiếp tục ngày 10/8/2016, ông L buộc phải cho Công ty TNHH PH do ông P làm đại diện theo pháp luật mượn số tiền 3.962.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu đồng), mục đích trả gốc và lãi tại Ngân hàng A1, thành phố Đà Nẵng để rút các tài sản mà ông nhờ vợ chồng ông P đứng tên giùm gồm: Quyền sử dụng lô đất tại Lô 01, 02, 03 Khu B2.4 thuộc Khu số 4, Khu ĐTM Nam cầu T1, phường K, quận N2, thành phố Đà Nẵng; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 294 đường C, phường H2, quận C1, thành phố Đà Nẵng; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 25, địa chỉ 33b đường B1, phường B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng. Cùng ngày, vợ chồng ông P đã thực hiện việc chuyển trả các tài sản trên cho mẹ con ông L toàn quyền sở hữu sử dụng.

Tính đến ngày 10/8/2016 vợ chồng ông P, bà P nợ mẹ con ông L tổng cộng là 18.448.317.366 đồng (Nợ cũ và nợ mượn thêm để trả ngân hàng, rút tài sản thế chấp ra).

Ngày 18/8/2016 ông P, bà P thực hiện việc trả nợ bằng các tài sản cụ thể: Ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm 05 lô đất tại thửa số 14, tờ bản đồ 29, địa chỉ lô 2, 3, 4, 5, 6 khu E2 KDC Nam cầu T2, phường M1, quận N2, thành phố Đà Nẵng với tổng giá trị chuyển nhượng là

15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) cho mẹ con ông L.

Như vậy, vợ chồng ông P, bà P còn nợ bà H, ông L số tiền 18.448.317.366đ - 15.000.000.000đ = 3.448.317.366 đồng (Ba tỷ bốn trăm bốn tám triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu sáu đồng).

Với số tiền nợ nói trên, xuất phát từ mối quan hệ chị em, cậu cháu ruột nên tại Biên bản thỏa thuận ngày 02/8/2016 mẹ con ông L đã đồng ý cho vợ chồng ông P, bà P trả dần trong 03 (ba) năm không tính lãi; ông P, bà P cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trên. Tuy nhiên, từ đó đến nay đã hết 03 năm, mặc dù mẹ con ông L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông P, bà P vẫn không trả được đồng nợ nào theo đúng cam kết. Mới đây nhất mẹ con ông L được biết vợ chồng ông P, bà P đã âm thầm tẩu tán tài sản của mình rõ ràng cố tình chây ỳ với ý định quỵt nợ. Do vậy mẹ con ông L phải khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông P, bà P có yêu cầu phản tố và yêu cầu phản tố bổ sung buộc ông L phải bồi hoàn chi phí cải tạo xây dựng, góp vốn và công sức đóng góp tổng cộng số tiền là 6.930.750.000 đồng. Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Phan Chí L không chấp nhận vì mọi việc đã được giải quyết dứt điểm từ năm 2016 trở về trước. Ông L khẳng định ông P, bà P không bỏ ra đồng tiền nào để cải tạo, xây dựng, góp vốn cùng ông L từ tháng 11/2002 đến tháng 8/2016; vợ chồng ông P, bà P đã được hưởng lợi rất nhiều từ việc ông L gửi tiền về mua nhà đất và nhờ đứng tên giùm nói trên.

Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Phan Chí L yêu cầu vợ chồng ông P, bà P phải trả số tiền còn nợ là 3.448.317.366 đồng và buộc ông P, bà P phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ trên kể từ ngày 18/8/2019 đến ngày xét xử.

- Theo đơn phản tố, đơn phản tố bổ sung của ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Anh P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Nguyễn Phan Chí L phải thanh toán cho bị đơn số tiền đã bỏ ra cải tạo xây dựng và góp vốn từ tháng 11/2002 đến tháng 8/2016 là 1.660.000.000đ bao gồm: 800.000.000đ tiền xây dựng tài sản trên đất 220.000.000đ tiền chung mua đất, 640.000.000đ tiền góp nhưng chưa nhận lại.

Ông Nguyễn Phan Chí L phải trả cho bị đơn công sức đóng góp làm tăng

thêm giá trị tương đương 25% số tiền tăng thêm là 5.214.500.000đ.

Ngoài ra, đối với tiền bán nhà số 33b B1, trong đơn yêu cầu phản tố giá bán nhà là 6.600.000.000đ nhưng qua các tài liệu sao chụp thì giá bán thực tế là 6.825.000.000 đồng. Bị đơn bổ sung yêu cầu phản tố đề nghị nguyên đơn trả thêm 25% đối với số tiền chênh lệch 225.000.000đ là 56.250.000đ. Cụ thể:

Nguồn gốc số tiền: Tháng 11/2002 ông Nguyễn Phan Chí L có gửi số tiền 200.000 USD tương đương số tiền 2.300.000.000đ để tìm kiếm cơ hội làm ăn. Khi nhận được số tiền ông P đã tiến hành đầu tư vào việc mua nhà và đất, sau đó cải tạo lại cho thuê, đồng thời mua đất nền dự án để bán kiếm lời, cụ thể như sau:

+ *Mua nhà và đất tại 140 Đường P, phường P1, quận H3, thành phố Đà Nẵng.*

Vào tháng 12/2002 ông P sử dụng số tiền ông Nguyễn Phan Chí L gửi về để mua ngôi nhà số 140 Đường P, phường P1, quận H3, thành phố Đà Nẵng với kết cấu nhà khi mua là 2 tầng, sàn 1 đúc, sàn 2 lớp tôn với giá 1.550.000.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng).

Tháng 3/2003 ông P đã sử dụng số tiền còn lại theo sự chỉ đạo của ông Nguyễn Phan Chí L để xây dựng mới ngôi nhà nêu trên với kết cấu nhà là 5 tầng để thuận tiện cho việc tìm đối tác cho thuê nhà với tổng chi phí là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tháng 4/2006 ông P đã bỏ tiền cá nhân để cải tạo ngôi nhà 5 tầng thành mô hình kinh doanh khách sạn để cho Công ty TNHH VT thuê, chi phí cải tạo là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Giá cho thuê khách sạn là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) từ tháng 6/2006 đến tháng 6/2016 (10 năm) bằng hợp đồng cho thuê được ký giữa ông Phan Anh P với Công ty TNHH VT.

Đến tháng 4/2011 theo yêu cầu của ông Nguyễn Phan Chí L: ông P chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn nên phải bồi thường cho Công ty TNHH VT số tiền 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Tháng 5/2011 ông Nguyễn Phan Chí L yêu cầu chuyển nhượng nhà và đất tại số 140 Đường P cho ông Nguyễn Tuấn Th với giá trị chuyển nhượng 10.600.000.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền từ hoạt động chuyển nhượng trên, ông P có đem tiền gửi vào tài khoản cá nhân đứng tên Phan Anh P tại Ngân hàng N1 quận H3, thành phố Đà Nẵng.

Như vậy từ số tiền ban đầu ông P thực nhận của ông L là 2.300.000.000đ ông P đã làm tăng lên thành số tiền 10.600.000.000đ. Điều này đồng nghĩa với

việc số tiền tăng thêm là 8.300.000.000đ (Tám tỷ ba trăm triệu đồng), trong đó có số tiền ông P bỏ ra nhưng chưa nhận lại là 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

+ *Mua đất tại Khu dân cư N:*

Tháng 01/2012 ông Nguyễn Phan Chí L yêu cầu ông rút số tiền lãi và gốc có được từ việc gửi tiền tại Ngân hàng N1 quận H3, thành phố Đà Nẵng là 11.336.000.000đ (Mười một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) để mua 11 lô đất tại Khu Dân cư N đứng tên Phan Thị H và 01 lô đất tại đường C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Phan Anh P.

Ngày 16/02/2012 bà Phan Thị H ủy quyền cho ông P quản lý, sử dụng và định đoạt khối tài sản này nhằm đảm bảo yêu cầu là làm tăng giá trị đầu tư so với giá mua ban đầu.

Tháng 9/2015 ông P ký hợp đồng chuyển nhượng 01 lô (số thửa 34) với giá là 840.000.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu đồng) và 07 lô đất (số thửa 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205) với giá trị chuyển nhượng là 7.400.000.000đ (Bảy tỷ bốn trăm triệu đồng).

Tháng 8/2016 ông P ký hợp đồng chuyển nhượng 01 lô đất tại đường C với giá 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng) và 03 lô đất (thửa 162,163,164) với giá 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng).

Như vậy từ số tiền 8.300.000.000đ ông P đã làm tăng thêm từ hoạt động chuyển nhượng 11 lô đất tại Khu dân cư N và 01 lô đất tại đường C là 16.976.000.000đ (Mười sáu tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Điều này đồng nghĩa với số tiền tăng thêm là 8.676.000.000đ (Tám tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

+ *Mua nhà và đất tại số 33b B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng:*

Tháng 01/2003 ông Nguyễn Phan Chí L có đưa cho ông P số tiền 490.000.000đ và ông P có bỏ thêm 220.000.000đ để mua nhà và đất tại số 33b B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng, giá mua là 639.000.000đ (Sáu trăm ba mươi chín triệu đồng) đứng tên ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P.

Tháng 02/2007 được sự nhất trí của ông L, ông P đã bỏ tiền ra xây dựng tài sản trên đất gồm 12 phòng trọ hết 800.000.000đ và chia theo tỷ lệ lợi nhuận trên số tiền cho thuê hàng tháng ông L hưởng 70%, ông P hưởng 30% trên tổng số tiền cho thuê hàng tháng là 10.000.000đ.

Tháng 8/2016 ông L yêu cầu ông P bán ngôi nhà tại số 33b B1 để lấy tiền với giá chuyển nhượng là 6.600.000.000đ, nhưng qua các tài liệu sao chụp

thì giá bán thực tế là 6.825.000.000đồng, chênh lệch 225.000.000đồng.

Như vậy từ số tiền 639.000.000đ ông P đã làm tăng thêm từ hoạt động chuyển nhượng nhà và đất tại số 33b B1, thành phố Đà Nẵng là 5.542.000.000đ + 225.000.000 = 5.767.000.000đ. Trong đó chưa được nhận lại số tiền 220.000.000đ (tiền chung mua đất) và 800.000.000đ (tiền xây dựng tài sản trên đất).

Tổng số tiền tăng thêm do công sức đóng góp từ việc quản lý, sử dụng và góp vốn để làm tăng từ số tiền ban đầu là 2.300.000.000đ thành số tiền hiện tại là 22.743.000.000đ, trong đó số tiền ông P bỏ ra chưa nhận lại là 1.660.000.000đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

Nay ông P yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông P số tiền đã bỏ ra cải tạo, xây dựng và góp vốn từ tháng 11/2002 đến tháng 8/2016 là 640.000.000 + 220.000.000 + 800.000.000 = 1.660.000.000đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng); Tiền công sức ông P đóng góp làm tăng thêm giá trị tương đương với 25% số tiền tăng thêm (Từ số tiền 2.300.000.000đ lên thành 20.858.000.000đ + 225.000.000đ tiền chênh lệch về giá bán nhà, đất tại 33b B1) = 5.214.500.000đ + 56.250.000đ = 5.270.750.000đ (Năm tỷ hai ăm bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền ông Phan Anh P phản tố là 6.930.750.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 351, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 241, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Phan Thị H và ông Nguyễn Phan Chi Linh đối với đồng bị đơn ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P.

Buộc vợ chồng ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H và ông Nguyễn Phan Chí L: 3.619.764.606 đồng (Ba tỷ sáu trăm mười chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc 3.448.317.366 đồng và 171.447.240 đồng tiền lãi tính từ

ngày 18/8/2019 đến ngày 11/02/2020.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P về việc yêu cầu ông Nguyễn Phan Chí L phải trả cho ông bà tổng số tiền 6.930.750.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có 1.660.000.000đ tiền bỏ ra cải tạo, xây dựng và góp vốn từ tháng 11/2002 đến tháng 8/2016 và 5.270.750.000đ tiền công sức làm tăng giá trị được tính 25%.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/02/2020, bị đơn - ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P kháng cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện và trái với quy định của pháp luật để không chấp nhận nội dung yêu cầu phản tố của Ông, Bà và đề nghị: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông, Bà đối với số tiền 6.930.750.000 đồng là khoản tiền chi phí cải tạo xây dựng, góp vốn và công sức đóng góp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Bị đơn để buộc Nguyên đơn phải bồi thường số tiền 6.930.750.000 đồng cho Bị đơn; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS - ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn – ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P cho rằng: Bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu phản tố của Ông, Bà đối với số tiền 6.930.750.000 đồng là khoản tiền chi phí cải tạo xây dựng, góp vốn và công sức đóng góp của Bị đơn thì thấy:

[1.1]. Xuất phát từ mối quan hệ ruột thịt trong gia đình (Bà Phan Thị H là chị ruột ông Phan Anh P, ông Nguyễn Phan Chí L là con bà H gọi ông P là cậu ruột, bà Trần Thị Thùy P là vợ của ông Phan Anh P), nên khi đầu tư mua bất động sản tại Việt Nam ông L đã nhờ vợ chồng ông P, bà P đứng tên 03 tài sản là nhà và đất gồm: nhà đất tại địa chỉ 140 Đường P, phường P1, quận H3, thành phố Đà Nẵng; nhà đất tại địa chỉ số 33b B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng và lô đất số 294 đường C nên quan hệ đứng tên giùm giữa các bên trong trường hợp này là hoàn toàn tự nguyện không có sự thỏa thuận về việc hưởng lợi hay trả công sức trong việc giúp nhau đứng tên tài sản. Mặt khác, đối với ba bất động sản mà ông L nhờ vợ chồng ông P, bà P đứng tên nói trên đã lần lượt được hai bên tất toán khi chuyển nhượng dứt điểm cho người khác vào các năm 2011, 2015, 2016 trước khi vợ chồng ông P, bà P và ông L, bà H cùng nhau đối chiếu chốt công nợ về quyền lợi tài chính và tài sản của nhau tại các Biên thỏa thuận cam kết ngày 02/8/2016, Biên bản xác nhận cam kết trả nợ ngày 18/8/2016.

[1.2]. Qua các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và Tòa án thu thập được có tại hồ sơ còn thể hiện:

[1.2.1]. Tháng 5/2011 khi ông L quyết định chuyển nhượng nhà đất 140 Đường P, phường P1, quận H3, thành phố Đà Nẵng, mọi thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng đều do vợ chồng ông P, bà P thực hiện. Ông P trực tiếp nhận tiền từ hoạt động chuyển nhượng và cũng tự mình khấu trừ tất cả các khoản chi phí liên quan đến nhà đất sau khi chuyển nhượng, sau đó ông P mới đem tiền còn lại gửi vào tài khoản của mình tại Ngân hàng N1 quận H3 - Đà Nẵng. Tất cả mọi khoản chi phí liên quan đến nhà đất 140 Đường P - Đà Nẵng đã được ông L và ông P đối chiếu từng chi tiết. Ngay cả khi tự mình rút số tiền bán nhà đất 140 Đường P - Đà Nẵng gửi ngân hàng vào tháng 01/2012, thì chính ông P cũng không hề đề cập đến các khoản tiền mà vợ chồng ông đã bỏ ra đầu tư cũng như bồi thường thêm cho người thuê (Nếu thực sự có) phải cản trừ trước khi giao ông L sở hữu, sử dụng dùng vào việc mua 11 lô đất tại Khu Dân cư N để đứng tên bà H. Mặt khác, việc đứng tên giùm nhà đất tại địa chỉ 140 Đường P, phường P1, quận H3, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng ông P, bà P cũng được hưởng lợi từ việc cho thuê để kinh doanh khách sạn cho đến khi mọi vấn đề liên quan được ông P và ông L giải quyết dứt điểm vào năm 2011.

[1.2.2]. Đối với nhà đất tại địa chỉ số 33b B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng, tại bản tường trình ngày 12/5/2016 gửi Công an thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Đà Nẵng chính ông Phan Anh P đã xác định: “...dùng tài sản số 140 P, để vay tiền mua lô đất 33b và xây dựng lên nhà nghỉ trọ và kinh doanh cho thuê từ đó cho đến bây giờ, với tỷ lệ chia lợi tức 50% cho tôi và 50% cho ông L...”. Trước thời điểm hai bên ký Biên bản xác nhận - cam kết trả nợ, vào ngày 10/8/2016, theo yêu cầu của ông L, nhà đất trên đã được chính vợ chồng ông P trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng cho người khác; cho đến ngày 18/8/2016 khi hai bên cùng lập và ký Biên bản xác nhận - cam kết trả nợ, vợ chồng ông P, bà P cũng không hề đề cập đến khoản tiền mà ông cho là mình đã bỏ ra để xây dựng trên đất cũng như tiền công sức để được khấu trừ trong Biên bản nói trên.

[1.2.3]. Ngày 05/10/2015, vợ chồng ông P, bà P đã tự đối chiếu công nợ về quyền lợi về tài sản có liên quan đến ông L được ghi nhận tại 02 Giấy xác nhận, một trong hai giấy này vợ chồng ông P, bà P khẳng định 02 lô đất đứng tên hộ tại 33b B1, quận N2, thành phố Đà Nẵng và lô đất số 294 đường C là tài sản của ông L, vợ chồng ông bà mượn để bảo lãnh hợp đồng. Như vậy, vợ chồng ông P, bà P đã xác định hoàn toàn không còn quyền lợi gì liên quan đến nhà đất đứng tên giùm cho ông L nói trên. Mặc dù biết rõ 11 lô đất bà H đứng tên là tài sản của ông L, nhưng lợi dụng giấy ủy quyền của bà H, ông P đã tự ý chuyển tên sang cho vợ là bà P, sau đó bà P sử dụng cả 11 lô đất thế chấp vay ngân hàng. Do làm ăn thua lỗ, ông P bà P đã tự ý bán 07 lô để trả nợ riêng.

[2]. Từ phân tích trên có đủ căn cứ xác định kể từ thời điểm vợ chồng ông P, bà P tự mình tính toán đối chiếu nợ, tài sản liên quan đến ông L và lập Giấy xác nhận tài sản và Giấy hẹn ngày 05/10/2015 cho đến khi hai bên tự nguyện cùng nhau đối chiếu công nợ ký Biên bản thỏa thuận cam kết ngày 02/8/2016 và Biên bản xác nhận - cam kết trả nợ ngày 18/8/2016 thì mọi vấn đề về quyền lợi tài chính và tài sản của nhau đã được hai bên thỏa thuận giải quyết thỏa đáng, dứt điểm. nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố nói trên của vợ chồng ông P, bà P là có căn cứ, đúng với thực tế đã thỏa thuận giữa hai bên. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông P và bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P và bà H, Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS - ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa: Ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo và không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng các Điều: 351, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phan Thị H và ông Nguyễn Phan Chí L đối với bị đơn - ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P.

Buộc vợ chồng ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P phải trả cho bà Phan Thị H và ông Nguyễn Phan Chí L số tiền: 3.619.764.606 đồng (Ba tỷ sáu trăm mười chín triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc 3.448.317.366 đồng và 171.447.240 đồng tiền lãi tính từ ngày 18/8/2019 đến ngày 11/02/2020.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P về việc yêu cầu ông Nguyễn Phan Chí L phải trả cho ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P tổng số tiền 6.930.750.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có 1.660.000.000đ tiền bỏ ra cải tạo, xây dựng và góp vốn từ tháng 11/2002 đến tháng 8/2016 và 5.270.750.000đ tiền công sức làm tăng giá trị được tính 25%.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa:

- Ông Phan Anh P, bà Trần Thị Thùy P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002576 ngày 19/02/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, quyết định về án phí Dân sự sơ thẩm và Quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS - ST ngày 11/02/2020 của Tòa án

nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến